TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 08/01/2024
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **NGUYỄN VĂN BÌNH**
2. Ông **BÙI VĂN MÀU**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **CAO TRẦN KHẮC HUY** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà:* Không có.

Ngày 08 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 620/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **LÊ KHẮC T,** sinh năm 1976
Địa chỉ: ấp 0, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
2. Bị đơn: Chị **NGUYỄN THỊ TH,** sinh năm 1978
Địa chỉ: ấp 0, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
(Anh T, chị Th có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 26/7/2023, nguyên đơn anh Lê Khắc T trình bày:

Do quen biết nên anh và chị Th xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường tranh cãi và đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh xin ly hôn chị Th.

Con chung có 02 cháu Lê Khắc H, sinh ngày 30/4/2003; Lê Nguyễn Phương A, sinh ngày 02/5/2017, hiện đang sống với chị Th.

Anh đồng ý để cháu Phương A cho chị Th nuôi, anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu H đã trưởng thành nên không yêu cầu.

Tài sản chung và nợ chung không có.

Theo tờ tự khai ngày 26/12/2023, bị đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Chị đồng ý ly hôn với anh T, đồng ý nuôi con chung là cháu Phương A, không yêu cầu cấp dưỡng. Tài sản chung và nợ chung không có. Chị có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt.

Tại phiên tòa, anh T, chị Th đều có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Anh Lê Khắc T, chị Nguyễn Thị Th có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

Về nội dung:

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ vào lời trình bày của anh T có trong hồ sơ vụ án, anh cho rằng anh chị đã xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường tranh cãi và đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh yêu cầu được ly hôn chị Th. Đồng thời, chị Thảo cũng đồng ý ly hôn với anh T. Do đó, cuộc sống hôn nhân của anh chị đã thật sự đổ vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Xét thấy, tiếp tục giao cháu Lê Nguyễn Phương A, sinh ngày 02/5/2017 cho chị Th nuôi là có cơ sở. Bởi lẽ, cháu đã sống ổn định với chị Th từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay và anh T cũng đồng ý việc này. Từ đó, tiếp tục giữ nguyên hiện trạng việc nuôi con chung là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với cháu Lê Khắc H, sinh ngày 30/4/2003 đã trưởng thành và lao động được nên không đặt ra xem xét.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung:* Anh chị xác định không có nên không đặt ra xem xét.

[6] *Về án phí:* Anh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Lê Khắc T.

Cho anh Lê Khắc T được ly hôn chị Nguyễn Thị Th.

Về con chung: Tiếp tục giao cháu Lê Nguyễn Phương A, sinh ngày 02/5/2017 cho chị Th nuôi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Th không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0013112 ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên xem như thi hành xong.

Về quyền kháng cáo: Anh T và chị Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tænh Tieàn Giang;*
- **TÒA**
- *VKSND huyeän Caùi Beø*;
- *Chi cuïc THADS huyeän Caùi Beø;*
- *UBND xã T;*
- *Caùc ñöông söï;*
- *Löu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

Nguyễn Hoàng Xuân Lam